

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2019/HC-PT
Ngày 08 - 5 - 2019
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;
Ông Trần Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 179/2018/TLPT-HC ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 244/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Trung Th, sinh năm 1965.

Địa chỉ: đường Tr, khu phố Đ, phường Đ1, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Hải Đ – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Hùng D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, (Văn bản ủy quyền số 3796/UBND-BTCD ngày 12 tháng 10 năm 2016); (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số 10, khu Trung tâm hành chính thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3/. Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: Đường số 10, khu Trung tâm hành chính thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Trung Nh, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: đường Tr, khu phố Đ, phường Đ1, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Trung Th, ông Phạm Trung Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Phạm Trung Th trình bày:

Ông Phạm Trung H (chết năm 2002, là cha ông Phạm Trung Th) được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Th (nay là thị xã D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 276602, sổ vào sổ 1581 QSDĐ/CQ.ĐH ngày 18/8/1998, diện tích 9.239m², tọa lạc tại xã Đ1, huyện Th, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ1, thị xã D, tỉnh Bình Dương), thuộc các thửa 378, 379, 380, 381, tờ bản đồ số 01 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số SI98343, sổ vào sổ 3201 QSDĐ/HTH.ĐH ngày 02/4/2001 diện tích 904m², tọa lạc tại ấp Đ, khu 2, xã Đ1, huyện D (nay là khu phố Đ, phường Đ1, thị xã D), tỉnh Bình Dương, thuộc thửa 382, tờ bản đồ số 01.

Ngày 19/6/2007, UBND huyện (nay là thị xã) D ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND thu hồi đất của hộ ông Phạm Trung Nh, Quyết định số 1724/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Phạm Trung Th (đều là con của ông H). Các quyết định này đã bị hủy bỏ theo theo Bản án hành chính phúc thẩm số 20/2012/HCPT ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 07/7/2014, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3295/QĐ- UBND về việc hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND và Quyết định số 1724/QĐ- UBND. Cùng ngày, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3296/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Trung H, do ông Phạm Trung Th đại diện thừa kế. Tại Điều 1 quyết định có nội dung: “*Thu hồi diện tích*

4.941m² (trong đó: 300m² đất ở, 1.622m² đất trồng cây lâu năm, 3.019m² đất trồng cây hàng năm), thuộc các thửa 378, 379, 380, 381, tờ bản đồ số 01 và 904m² (đất nghĩa địa) thuộc thửa 382 tờ bản đồ số 01 của ông Phạm Trung H nay do ông Phạm Trung Th ngụ địa chỉ trên đại diện hàng thừa kế ...”.

Ngày 05/8/2014, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3832/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, mồ mả và chính sách tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình xây dựng khu Trung tâm Thể dục Thể thao huyện D và Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 về việc công bố tiền bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình xây dựng khu Trung tâm Thể dục Thể thao huyện D. Tổng cộng số tiền bồi thường hỗ trợ về đất và mồ mả mà gia đình ông Th được nhận là 3.204.197.866 đồng; trong đó: về đất là 2.515.900 đồng (tổng diện tích giải tỏa là 5.845m² gồm 300m² đất ở, 4.641m² đất nông nghiệp và 904m² đất nghĩa địa); chính sách tái định cư là 04 nền, mỗi nền 100m².

Không đồng ý với quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, ông Th khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị xã D. Ngày 20/3/2015, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 1331/QĐ- UBND giải quyết đơn của ông Th, nội dung bác đơn khiếu nại của ông Th. Ông Th tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương. Ngày 06/4/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 779/QĐ-UBND giải quyết đơn của ông Th và không chấp nhận khiếu nại của ông Th.

Ông Phạm Trung Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương vì quyết định này căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ để ban hành, trong khi đó, đến thời điểm ban hành quyết định thì những văn bản này đã hết hiệu lực pháp luật.

- Hủy Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương và Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D. Hai quyết định này thuộc thẩm quyền của UBND thị xã D nhưng do Chủ tịch UBND thị xã D ban hành là không đúng thẩm quyền; quyết định này đáng ra phải được ban hành cùng thời điểm ban hành Quyết định số 3296/QĐ-UBND, tức là ngày 07/7/2014 nhưng đến ngày 05/8/2014 mới ban hành là không đúng thời hạn.

- Hủy Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc giải quyết khiếu nại. Quyết định này cũng căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003 là văn bản đã hết hiệu lực thi hành.

- Hủy Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại. Quyết định này vi phạm Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011 về thời hạn giải quyết khiếu nại; áp dụng không đúng căn cứ pháp luật; văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nhưng Phó Chủ tịch ký

thay là không đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Diện tích đất ông Phạm Trung Th đang khiếu kiện có nguồn gốc của ông Phạm Trung H (cha ông Phạm Trung Th), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông Th trình bày.

Thực hiện công trình xây dựng Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D, ngày 19/6/2007, UBND huyện (nay là thị xã) D ban hành Quyết định số 1723/QĐ-UBND và Quyết định số 1724/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Phạm Trung Nh và ông Phạm Trung Th. Ngày 12/11/2007, UBND huyện (nay là thị xã) D ban hành Quyết định số 3760/QĐ-UBND và Quyết định số 3761/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất và tái định cư cho ông Phạm Trung Th và ông Phạm Trung Nh. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 20/2012/HCPT ngày 26/9/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy Quyết định số 3760/QĐ-UBND của UBND huyện (nay là thị xã) D vì ban hành quyết định thu hồi đất và áp giá bồi thường đối với ông Phạm Trung Th là không đúng đối tượng.

Ngày 07/7/2014, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3295/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 1723/QĐ-UBND và Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 19/6/2007 về việc thu hồi đất của ông Phạm Trung Nh và ông Phạm Trung Th.

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 20/2012/HCPT ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Đơn cam kết thỏa thuận (có xác nhận của UBND phường Đ1) thống nhất cho ông Phạm Trung Th được đại diện đứng tên hồ sơ bồi thường về đất cho ông Phạm Trung H, về tài sản gắn liền với đất: Ông Phạm Trung Th và ông Phạm Trung Nh thống nhất tài sản của người nào trực tiếp quản lý, sử dụng thì người đó đứng tên hồ sơ và nhận tiền bồi thường. Do vậy, UBND thị xã D đã lập hồ sơ bồi thường đối với hộ ông Phạm Trung H như sau:

Ngày 07/7/2014, UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3296/QĐ- UBND về việc thu hồi 4.941m² đất của ông Phạm Trung H (do ông Phạm Trung Th đại diện), gồm: 300m² đất ở, 4.641m² đất nông nghiệp (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1581 QSDĐ/CQ.ĐH ngày 18/8/1998) và 904m² đất nghĩa địa (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3201 QSDĐ/HTH.ĐH ngày 02/4/2001). Cùng ngày, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã D lập Biên bản số 11/BBAG-TTPTQĐ (đợt 11) áp giá bồi thường cho ông Phạm Trung H (do ông Phạm Trung Th đại diện) với số tiền 3.204.197.866 đồng.

Ngày 05/8/2014, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3832/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, mồ mả và chính sách tái định cư cho ông Phạm Trung H (do ông Phạm Trung Th đại diện), với số tiền: 3.204.197.866 đồng. Cùng ngày, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3833/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường tài sản gắn liền với đất

và chính sách hỗ trợ cho hộ ông Phạm Trung Th, với số tiền: 1.032.851.000 đồng (bao gồm: Công trình, vật kiến trúc 1.007.602.500 đồng; cây trái, hoa màu 20.248.500 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 4.000.000 đồng; hỗ trợ di dời 1.000.000 đồng). Ngày 04/12/2014, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã D lập Biên bản số 11BS/BBAGBS-TTPTQĐ áp giá bồi thường bổ sung về đất cho ông Phạm Trung H (do ông Phạm Trung Th đại diện), với số tiền 955.002.000 đồng (theo đó đơn giá bồi thường đất được thực hiện theo Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 và Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Bình Dương. Cụ thể; Đất nông nghiệp 342.000 đồng/m², đất ở 5.616.000 đồng/m²). Ngày 27/12/2014, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 7667/QĐ-UBND về việc công bố bổ sung tiền bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ ông Phạm Trung H (do ông Phạm Trung Th đại diện), với tổng số tiền là: 955.002.000 đồng.

Việc ông Th khiếu nại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D và yêu cầu bồi thường đúng diện tích đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1581 QSDĐ/CQ.ĐH cấp ngày 18/8/1998 cho hộ ông Phạm Trung H; yêu cầu bồi thường đất theo đơn giá năm 2014 (cụ thể: Đất ở 7.200.000 đồng/m²; đất nông nghiệp tính theo loại đất xen kẽ trong khu dân cư; đất thổ mộ bồi thường theo giá đất phi nông nghiệp); yêu cầu cấp 06 suất đất tái định cư và mua thêm 02 suất, là không có cơ sở để xem xét, giải quyết, bởi vì:

- Theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã D xác lập ngày 02/6/2014, thì diện tích đất (đo đạc thực tế) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1581 QSDĐ/CQ.ĐH cấp ngày 18/8/1998 cho hộ ông Phạm Trung H là 4.941m². Căn cứ khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ (quy định về bồi thường đối với trường hợp diện tích đất đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất) thì việc UBND thị xã D thu hồi và áp giá bồi thường cho ông Phạm Trung Th (đại diện ông Phạm Trung H) theo diện tích đo đạc thực tế 4.941m² là đúng quy định pháp luật.

- Việc áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất: UBND thị xã D đã áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông Phạm Trung Th (đại diện ông Phạm Trung H) đúng theo phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5385/2004/QĐ-CT ngày 19/7/2004 và Công văn số 463/UBND-KT ngày 20/02/2014, theo đó đơn giá bồi thường 5.616.000 đồng/m² đối với đất ở và 342.000 đồng/m² đối với đất nông nghiệp (sau khi đã nhân hệ số Đ và hệ số K), là đơn giá theo Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 về việc ban hành bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh và đã cân đối theo giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường.

- Căn cứ Mục E Quyết định số 5385/2004/QĐ-CT ngày 19/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc quy định đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại về

đất và tài sản trên đất thuộc công trình Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D quy định: “...Những hộ giải tỏa trắng có đất thổ cư được bố trí 01 suất đất tái định cư... Hộ có diện tích đất nông nghiệp bị giải tỏa trên 4.500m² được bố trí 03 định suất. Diện tích bố trí một định suất là 100m² (các khoản thuế, phí và lệ phí do hộ dân nộp theo quy định)”. Đối chiếu với quy định trên, trường hợp của ông Phạm Trung Th (đại diện cho ông Phạm Trung H) có 300m² đất ở và 4.641m² đất nông nghiệp bị giải tỏa nên được bố trí 04 suất đất tái định cư là đúng quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung Th.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND thị xã D, Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Việc ông Phạm Trung Th yêu cầu bồi thường 5.426m² theo đúng diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1581 QSDĐ/CQ.ĐH ngày 18/8/1998 là không cơ sở xem xét, vì: Diện tích đo đạc thực tế theo bảng trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã D lập ngày 02/6/2014 là 4.941m².

Việc ông Phạm Trung Th yêu cầu xem xét bồi thường theo đơn giá đất năm 2014 tại Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013; Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh Bình Dương, trong đó có áp dụng các hệ số K và hệ số D theo quy định đối với toàn bộ diện tích bị thu hồi, UBND thị xã D không xem xét giải quyết, vì: Theo Thông báo số 599/TB- UBND ngày 06/11/2014 của UBND thị xã D đã thống nhất bồi thường giá đất có áp dụng các hệ số K và hệ số D theo quy định cho ông Phạm Trung Th (đại diện hàng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Trung H), theo đó đơn giá bồi thường đất ở là 5.616.000 đồng/m², đất nông nghiệp là 342.000 đồng/m².

Việc ông Phạm Trung Th yêu cầu cấp 06 suất tái định cư, giải quyết mua thêm 02 suất tái định cư và không phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần đất tái định cư là không có cơ sở xem xét, vì việc tái định cư đối với hộ gia đình ông Th đã được áp dụng đúng quy định tại Mục E, Quyết định số 5385/QĐ-CT ngày 19/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Việc yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh Bình Dương là không có cơ sở xem xét, vì: Căn cứ khoản 2 Điều 37 Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của UBND tỉnh Bình Dương và theo hồ sơ bồi thường, ông Th không có giấy tờ gì chứng minh việc gia đình ông có trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất.

Việc yêu cầu tăng đơn giá bồi thường tài sản trên đất (nhà ở) là không có cơ sở xem xét; vì: Đơn giá bồi thường về nhà ở, công trình được áp dụng đúng theo Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Bình Dương.

Đối với nội dung khiếu nại, yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh do

bị ngừng sản xuất kinh doanh, hỗ trợ 20% - 50% đơn giá đất ở đối với đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư bị thu hồi, giải tỏa và bồi thường đất nghĩa địa thân tộc theo đơn giá đất phi nông nghiệp: Ngày 25/02/2015, UBND thị xã D đã có văn bản số 561/UBND-KT trình UBND tỉnh xem xét cho chủ trương giải quyết.

Từ những cơ sở trên, UBND thị xã D nhận thấy Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 được ban hành là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Phạm Trung Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Trung Nh thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của người khởi kiện ông Phạm Trung Th.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 14/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1/. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung Th đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của ông Phạm Trung H do ông Phạm Trung Th đại diện hàng thừa kế.

2/. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung Th về việc hủy các Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc công bố tiền bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình: Xây dựng khu Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D; Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, mồ mả và chính sách tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình xây dựng khu Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D; Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Trung Th và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn của ông Phạm Trung Th khiếu nại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương (lần hai).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/6/2017, ông Phạm Trung Th, ông Phạm Trung Nh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th, ông Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Th, ông Nh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện vì về nội dung, các Quyết định bị khiếu kiện được ban hành căn cứ vào các văn bản đã hết hiệu lực, về hình thức, các văn bản của giải quyết khiếu nại do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương và Phó Chủ tịch UBND thị xã D ký là không đúng thẩm quyền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề

ngợi Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trung Th, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Trung Th, ông Phạm Trung Nh làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Th, ông Nh theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th xác định sau khi Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 07/7/2014, Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 05/8/2014, Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 được ban hành, ông Th làm đơn khiếu nại ghi ngày 17/9/2014. Trong nội dung đơn, ông Th xác định chỉ khiếu nại đối với Quyết định số 3832/QĐ-UBND và Quyết định số 3833/QĐ-UBND, không khiếu nại Quyết định số 3296/QĐ-UBND. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện Quyết định số 3296/QĐ-UBND đã hết, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Th đối với Quyết định số 3296/QĐ-UBND là đúng pháp luật.

Về áp dụng văn bản pháp luật, ông Th cho rằng các quyết định bị khởi kiện được ban hành căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003 đã hết hiệu lực nên không có giá trị pháp lý. Tại khoản 1 Điều 83 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật thì: *“Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà Văn bản đó đang có hiệu lực...”*. Các quyết định bị khiếu kiện được ban hành căn cứ vào quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất. Thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án được xác định là năm 2007 theo các Quyết định số 1723/QĐ-UBND và Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 19/6/2007 của UBND thị xã D, lúc này, Luật Đất đai năm 2003 đang có hiệu lực. Việc UBND thị xã D hủy bỏ Quyết định số 1723/QĐ-UBND và Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 19/6/2007 ban hành Quyết định 3296/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 là thực hiện theo quyết định của Tòa án, điều chỉnh đúng đối tượng có đất bị thu hồi. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003 là có căn cứ.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Quyết định số 3832/QĐ-UBND, Quyết định số 3833/QĐ-UBND cùng ngày 05/8/2014 là các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, mô tả tài sản gắn liền với đất và chính sách tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình xây dựng khu Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất thì

Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 05/8/2014, Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 là không đúng thẩm quyền.

Về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương: Căn cứ các Điều 126, Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011, ngày 20/3/2015, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền. Căn cứ Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011, Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D ban hành đúng thời hạn luật định.

Đối với Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Th đối với Quyết định số 1331/QĐ-UBND: Theo thông báo số 07/TB-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phân công công việc Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh ông Mai Hùng D được Chủ tịch UBND tỉnh phân công giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo trong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Căn cứ Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ông Mai Hùng D ký thay Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 là phù hợp với định của pháp luật.

Về thời hạn ban hành Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương: Theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thì: *“Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý”*. UBND tỉnh Bình Dương nhận đơn khiếu nại của ông Th ngày 17/4/2015 nhưng đến ngày 06/4/2016 mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại.

Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, ngày 05/8/2014, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 3832/QĐ-UBND và Quyết định số 3833/QĐ-UBND là đúng trình tự của Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[4] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1581 QSDĐ/CQ.ĐH ngày 18/8/1998 cấp cho ông Phạm Trung H, diện tích đất còn lại là 5.426m², trong đó có 300m² đất ở. Theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã lập ngày 02/6/2014 thì đo đạc thực tế là 4.941m² (trong đó có 300m² đất ở, 1.622m² đất trồng cây lâu năm, 3.019m² đất trồng cây hàng năm), giảm 485m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1581 QSDĐ/CQ.ĐH ngày 18/8/1998. Phần diện tích đất còn lại 5.426m² trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H bao gồm cả phần hành lang bảo vệ đường bộ đã giải tỏa và chưa cắt trừ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H (ký hiệu F, G trên bản trích

đo), phần này có diện tích là: $271,1\text{m}^2 + 331,6\text{m}^2 = 602,7\text{m}^2$, hiện trạng là vỉa hè đường Tr. Tại thời điểm giải tỏa mở rộng đường Tr đất này là hành lang bảo vệ đường bộ nên không được bồi thường theo Luật Đất đai năm 1993. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai, quy định về bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì phải đền bù theo diện tích đất được đo đạc thực tế. Trên cơ sở đó, việc UBND thị xã D bồi thường cho ông Th đối với diện tích 4.941m^2 đất là có căn cứ.

Về giá đất bồi thường, khi phê duyệt phương án đối với gia đình ông Th, UBND thị xã D căn cứ vào Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 về việc ban hành bảng giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh để tính mức bồi thường. Như vậy, UBND thị xã D đã áp dụng đúng theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị Định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đơn giá mà gia đình ông Th được bồi thường cao hơn giá đất tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi năm 2007.

Về tái định cư, tại Mục E Quyết định số 5385/2004/QĐ-CT ngày 19/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất thuộc công trình Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D có quy định: “... Những hộ giải tỏa trắng có đất thổ cư được bố trí 01 suất đất tái định cư.... Hộ có diện tích đất nông nghiệp bị giải tỏa trên 4.500m^2 được bố trí 03 định suất. Diện tích bố trí một định suất là 100m^2 (các khoản thuế, phí và lệ phí do hộ dân nộp theo quy định)”. Ông Phạm Trung Th (đại diện cho ông Phạm Trung H) có 300m^2 đất ở và 4.641m^2 đất nông nghiệp bị giải tỏa, nên được bố trí 04 suất đất tái định cư là đúng quy định.

Như vậy, nội dung các quyết định Quyết định số 3832 QĐ-UBND, Quyết định số 3833/QĐ-UBND được ban hành phù hợp với quy định pháp luật.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 3832 QĐ-UBND ngày 05/8/2014, Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014, Chủ tịch UBND thị xã D ký ban hành các này là sai sót về hình thức văn bản, không làm thay đổi quyền lợi của gia đình ông Th trong việc được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên không cần thiết phải xử hủy các quyết định này, UBND thị xã D cần rút kinh nghiệm.

Về thời hạn giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có thiếu sót nhưng đây cũng là vi phạm về hình thức, không ảnh hưởng đến nội dung quyết định nên không cần thiết phải hủy quyết định, tránh làm kéo dài thời gian giải quyết vụ việc, UBND tỉnh Bình Dương cần rút kinh nghiệm về việc này.

[5] Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của

ông Phạm Trung Th về việc hủy Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D; Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D; Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Trung Th khiếu nại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Trung Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Ông Phạm Trung Th, ông Phạm Trung Nh phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trung Th và ông Phạm Trung Nh. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung Th đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3296/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của ông Phạm Trung H do ông Phạm Trung Th đại diện hàng thừa kế.

2/. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung Th về việc hủy các Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc công bố tiền bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình: Xây dựng khu Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D; Quyết định số 3832/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, mồ mả và chính sách tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình xây dựng khu Trung tâm Thể dục Thể thao huyện (nay là thị xã) D; Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Trung Th và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn của ông Phạm Trung Th khiếu nại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 20/3/2015 của Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương (lần hai).

3/. Ông Phạm Trung Th phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm;

được khấu trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002884 ngày 29/8/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4/. Ông Phạm Trung Th, ông Phạm Trung Nh mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo biên lai thu số 0010685, 0010684 cùng ngày 22/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Minh

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy